TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Công nghệ Thông tin**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TH70102	Giới thiệu ngành CNTT	1	15	15	0
TH70104	Kiến trúc máy tính	2	45	15	30
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI (*)	1	15	15	0
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			

CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70304	Kỹ năng Quản lý cảm xúc	1	15	15	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70202	Toán cao cấp	3	45	45	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
TH70105	Cơ sở lập trình	3	60	30	30
PM70203	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**2**			
PM71201	Đồ họa ứng dụng	2	60	0	60
TH71101	Hệ điều hành	2	45	15	30
CB71412	Bóng đá(*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền(*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông(*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball(*)	1	30	0	30
CB71413	Fitness(*)	1	30	0	30
CB71406	Dancesport(*)	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ(*)	1	30	0	30

CB71414	Võ thuật(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TH70106	Mạng máy tính	3	60	30	30
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
PM70202	Kỹ thuật lập trình	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 5)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
PM70204	Thiết kế Web	3	60	30	30
TN70023	Cấu trúc rời rạc	3	45	45	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn trong công nghiệp	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**5**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0

CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
TH71104	Định tuyến và chuyển mạch	3	60	30	30
TH71127	Khoa học dữ liệu cơ bản	3	60	30	30
HỌC KỲ 5: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
TH70107	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30
PM70205	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30
TH70113	Thiết kế hệ thống mạng	2	60	0	60
TH70108	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
Học phần tự chọn		**3**			
TH71126	Mật mã và an toàn thông tin	3	60	30	30
PM71204	Lập trình Windows	3	60	30	30
HỌC KỲ 6: 14 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 5, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**5**			
TH70110	Trí tuệ nhân tạo	3	60	30	30
CB70309	Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**9**			
TH71106	Lập trình Web	3	60	30	30
TH71112	Quản trị hệ thống mạng	3	60	30	30

TH71109	Học máy (Machine Learning)	3	60	30	30
TH71115	An ninh mạng	3	60	30	30
TH71117	Công nghệ phần mềm	3	60	30	30
PM71206	Công nghệ .NET	3	60	30	30
HỌC KỲ 7: 14 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**8**			
TH70109	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3	60	30	30
TH70115	Lập trình Mobile	3	60	30	30
TH70114	Quản lý dự án CNTT	2	45	15	30
Học phần tự chọn		**6**			
TH71111	Thị giác máy tính	3	60	30	30
TH71108	Web API	3	60	30	30
TH71118	Công nghệ Blockchain	3	60	30	30
TH71114	Thương mại điện tử	3	60	30	30
TH71124	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	60	30	30
TH71125	Công nghệ mạng	3	60	30	30
HỌC KỲ 8: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**10**			
TH70116	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180
TH70117	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
TH70118	Chuyên đề tốt nghiệp (thay thế KLTN)	3	60	30	30
TH70119	Công nghệ IOT và ứng dụng (thay thế KLTN)	3	60	30	30